



Vai trò của chùa Linh Sơn và Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học trong phong trào chấn hung Phật giáo Nam kỳ, giai đoạn 1920 -1945

ISSN: 2734-9195

17:35 03/12/2021

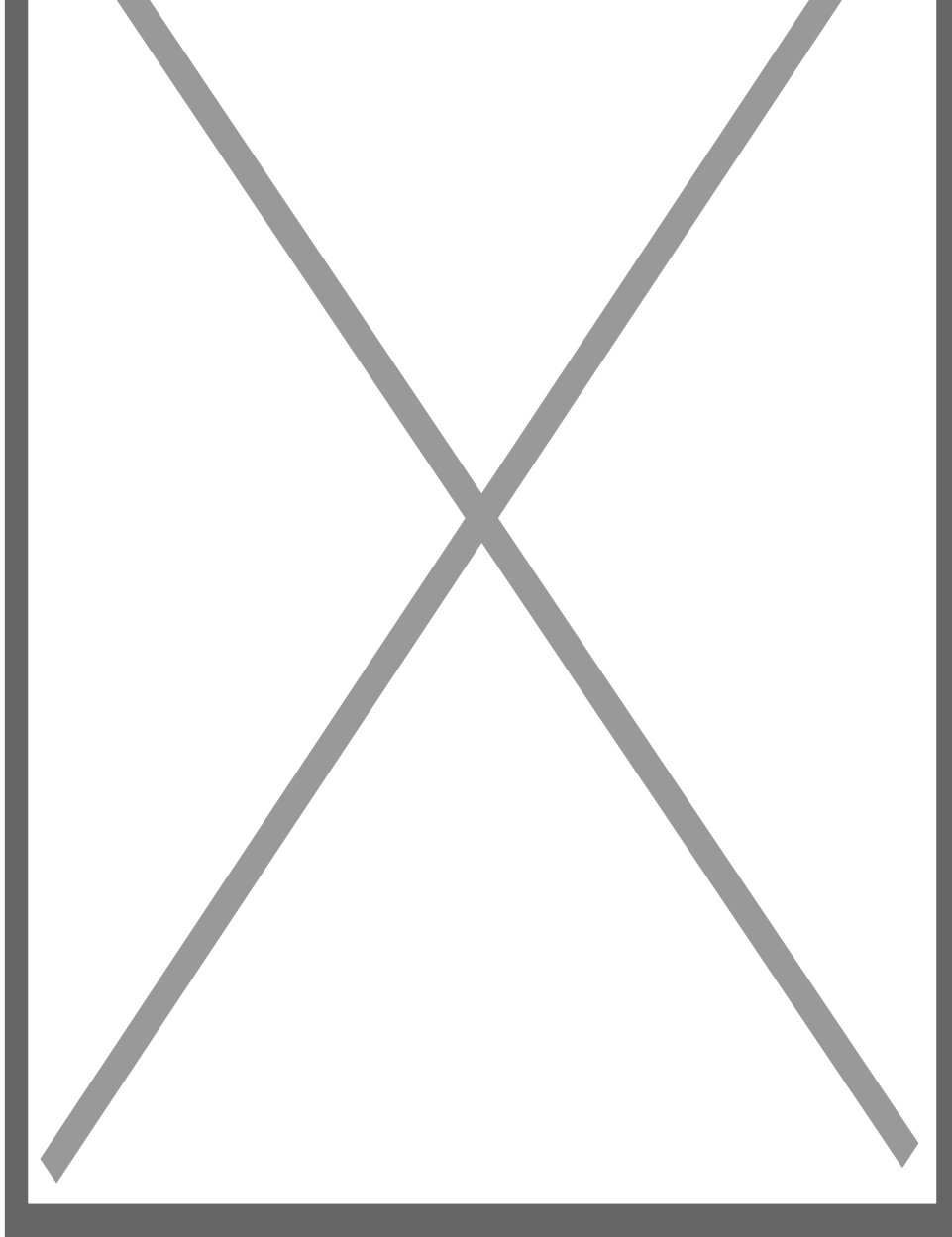
**Thạc sĩ Thích Đồng Hạnh Chùa Đức Quang, 330 Nguyễn Tất Thành,
P.13, Q.4, Tp.HCM Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 11/2021**

Dẫn Nhập Phật giáo du nhập vào Việt Nam đến nay trải qua hơn 20 thế kỷ. Vì thế, lịch sử thăng trầm của dân tộc cũng chính là lịch sử thăng trầm của Phật giáo Việt Nam. Dù trải qua bao thăng trầm nhưng thực tế lịch sử cho thấy giáo lý từ bi, vô ngã, vị tha của đạo Phật vẫn luôn là chỗ dựa tinh thần, là nét văn hóa, là đời sống của mỗi người dân Việt Nam, là chất keo kết dính tinh thần dân tộc, vượt qua mọi gian khổ của thời cuộc để cùng chấn hưng đất nước sau bao biến cố của thời gian. Đến đầu thế kỷ XX, cùng với nhiều biến động của thời cuộc, Phật giáo rơi vào tình thế suy vi tột độ, dẫn đến khủng hoảng trong niềm tin của quần chúng nhân dân. Với tác động của các phong trào chấn hưng Phật giáo từ quốc tế, cụ thể là Trung Hoa, Chư tôn đức Phật giáo nước nhà, những người có hoài bão với Phật giáo, như Hòa thượng (HT) Khánh Hòa (chùa Tuyên Linh, Bến Tre), HT.Huệ Quang (chùa Long Hòa, Trà Vinh), HT.Khánh Anh (chùa Thiên Phước, Trà Ôn)... Các Ngài luôn trăn trở cho tiền đồ Phật pháp, làm thế nào để chấn hưng nền Phật học và chỉnh đốn tăng già, sau những cuộc thảo luận bàn bạc về tình hình Phật giáo thế giới và Phật giáo Việt Nam, ba vị Hòa thượng nhất trí khởi xướng phong trào chấn hưng Phật giáo đầu tiên ở Nam kỳ với mục đích chấn chỉnh tổ chức tăng già, bài trừ mê tín dị đoan, phổ cập giáo lý đối với quần chúng nhân dân. Để việc chấn hưng đi vào thực tế không gì hơn là phải thành lập một tổ chức Phật giáo hợp pháp để điều hành công việc. Đó là lý do mà Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học ra đời tại miền Nam vào năm 1931 và đặt trụ sở tại chùa Linh Sơn quận Nhất, Sài Gòn. Sau đó là xuất bản tạp chí Từ Bi Âm vào năm 1932 để hoằng truyền Phật pháp sâu rộng

trong quần chúng phật tử. Đến nay vẫn chưa có công trình nghiên cứu nào viết về vai trò của chùa Linh Sơn trong việc thành lập tổ chức đầu tiên của Phật giáo trong phong trào chấn hưng giai đoạn 1920 - 1945, tạo tiền đề cho các tổ chức Phật giáo khắp ba miền được thành lập và tiến đến thống nhất Phật giáo sau này. Chính vì thế, người viết chọn đề tài Vai trò của chùa Linh Sơn và Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học trong phong trào chấn hưng Phật giáo ở Nam kỳ giai đoạn 1920 - 1945, phần nào đóng góp công sức bé nhỏ vào tư liệu nghiên cứu Phật giáo nước nhà và thể hiện sự tri ân với chư tiền bối hữu công đã dày công giữ gìn và phát triển đạo pháp từ ngàn xưa đến ngày nay.

Tag: *chùa Linh Sơn, Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học, Phật giáo Nam kỳ, Phật học, Hòa thượng Khánh Hòa,...*

[caption id="attachment_11493" align="alignleft" width="500"]



Chùa Linh Sơn,

Quận 1, Tp.HCM[/caption]

1. Thành lập Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học tại Chùa Linh Sơn

Trong công cuộc chấn hưng Phật giáo giai đoạn 1920-1945 chùa Linh Sơn đóng một vai trò cực kỳ quan trọng bởi vì nó góp phần cho sự thành lập của Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học, một hội nhóm đã làm ngọn cờ tiên phong và là động lực cho sự phát triển của các hội Phật giáo khác khắp ba miền.

Mặc dù HT.Khánh Hòa khởi xướng phong trào chấn hưng Phật giáo từ đầu những năm 1923, phong trào chấn hưng bị dừng chân tại chỗ do nhiều lý do khách quan [7]. Mãi tới năm 1927, ý tưởng về chấn hưng Phật giáo lại trở nên nồng nàn trong tâm trí Ngài, khi những bài báo của những vị cư sĩ và tu sĩ hữu tâm muốn khôi chấn lại Phật giáo nước nhà, mà nổi bật trong thời gian này là HT.Tự Lai chùa Tiên Lữ (Thái Nguyên) và cư sĩ Nguyễn Mục Tiên. HT.Tự Lai, trong bài viết *“Về việc chấn hưng Phật giáo”* đăng trong Khai Hóa Nhật Báo số 1640, đề ra ba việc cấp bách trong việc chấn hưng Phật giáo: Mở giảng đường, mở trường học và lập viện tế bần[13, tr.50]. Cư sĩ Nguyễn Mục Tiên, với bài báo tựa *“Nên chấn hưng Phật giáo nước nhà”* được đăng trong Đông Pháp Thời Báo số 529 ngày 05/01/1927, nhấn mạnh sự cần thiết về giáo dục cho giới tăng lữ nhằm giúp tăng, ni có đủ bản lĩnh và kiến thức hoằng truyền Phật lý tới người dân[7].

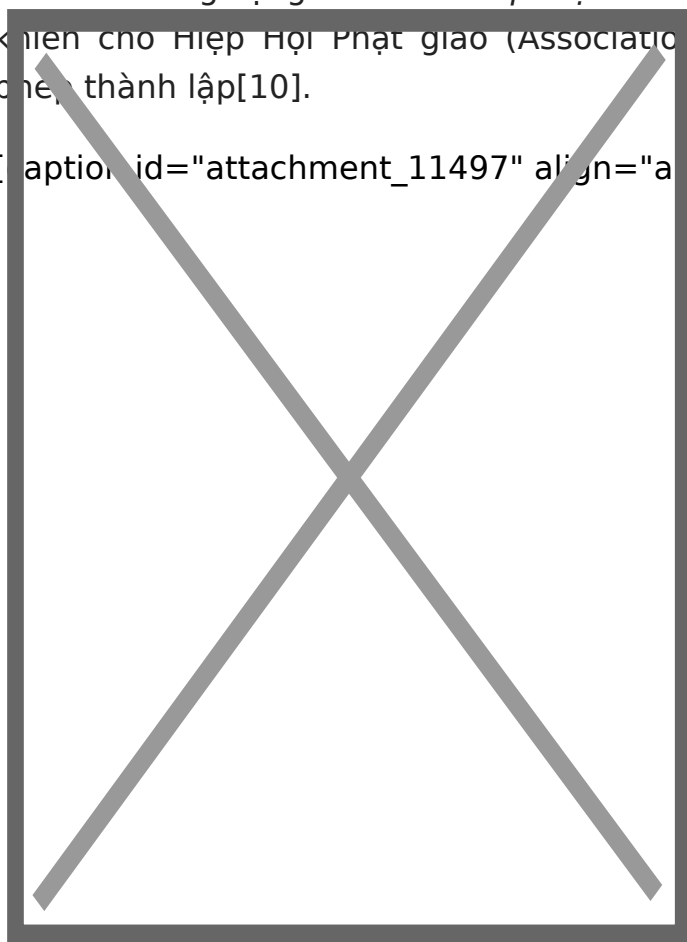
Cảm được tâm nguyện của HT.Tự Lai, cùng trong năm 1927, HT.Khánh Hòa cho sư Thiện Chiếu ra Thái Nguyên tìm HT.Tự Lai, nhằm kêu gọi HT.Tự Lai cùng hợp tác chấn hưng Phật giáo. Tuy nhiên trong chuyến đi ra Bắc lần này, sư Thiện Chiếu đã không thành công trong việc thuyết phục HT.Tự Lai và quý tăng lữ phía Bắc cùng hợp tác. Nhưng xét cho cùng không phải là hoàn toàn thất bại, bởi vì sư Thiện Chiếu đã mang về miền Nam những góp ý tích cực và hữu ích của HT.Tự Lai cùng Cẩm nang chấn hưng Phật giáo của HT.Thái Hư [10]. Bản cẩm nang này, trên một phương diện nào đó chắc chắn tác động tới tư duy và thái độ làm việc của HT.Khánh Hòa trong những năm sau đó.

Tháng 12 năm 1927, HT.Khánh Hòa nộp đơn lên chính quyền bảo hộ Pháp, xin mở Hiệp Hội Phật giáo (Association des Bouddhistes). Nhưng đơn xin mở hội của HT.Khánh Hòa bị bác bởi nhiều lý do, mà trong đó lý sai về điều lệ là nguyên nhân chính dẫn tới sự bị bác bỏ. Theo điều lệ bị bài bác, Hòa thượng cho phép bất kỳ ai cũng có thể tham gia Hội Phật giáo này, và như vậy nó không đúng với bản chất và cái tên của hội.

Ngày 01/04/1928, HT.Khánh Hòa cùng với các Hòa thượng: Lê Trí Chất (trụ trì chùa An Phước, Sa Đéc), Phạm Văn Khuê (trụ trì chùa Thanh Lương, Biên Hòa), Trương Tấn Phát (trụ trì chùa Chúc Thọ, Gia Định), Thái Văn Cơ (trụ trì chùa Phước Long, Long Xuyên) và sư Thiện Chiếu (trụ trì chùa Linh Sơn, đường Douaumont, Sài Gòn) đã tu chỉnh lại bản điều lệ cũ. Điều lệ dự thảo gồm 6 thiên và 41 điều khoản. Điều lệ liên quan tới hội viên được sửa đổi như sau: *“Hội Phật giáo gồm có 3 hạng hội viên: Tán trợ hội viên, Chủ trì hội viên và Thường trợ hội viên. Tán trợ hội viên là những người nào giúp cho Hội ít nữa là một số tiền một trăm đồng Đông Dương (100\$) đóng tất một lần. Chủ trì hội viên, khi vào Hội, đóng tất một lần số tiền ba chục đồng (30\$) và khởi góp tiền năm. Trừ cho những người nào ở Sài Gòn hay là cách năm ngàn thước quanh châu thành Sài*

Gòn, thì tiền vào hội 30\$ được đóng làm 3 kỳ trong một năm, nghĩa là cứ 4 tháng đóng 10\$, mà, đúng mỗi kỳ, phải đóng nội tháng thứ nhất, chứ không được trễ. Thường hội viên, khi vào hội, đóng tất một lần số tiền năm đồng (5\$) và cũng khởi góp tiền năm”. Tuy nhiên, khi Sở Mật thám tiến hành điều tra thì đạo hạnh của một số vị tham gia sáng lập có vấn đề, chẳng hạn như sư Trần Văn Hương đã mất ngày 14/10/1926 (Âm lịch) mà trên Bản Điều lệ soạn thảo ngày 1/4/1928 vẫn có chữ ký; ông Trương Tấn Phát, chủ chùa Chúc Thọ có qua lại với Bùi Quang Chiêu; ông Thái Văn Cơ có gia nhập đạo Cao Đài; ông Thiện Chiếu đã từng cộng tác với “Pháp Việt Nhứt Gia”... Đây là một trong những lý do khiến cho Hiệp Hội Phật giáo (Association des Bouddhistes) vẫn không được phép thành lập[10].

[caption id="attachment_11497" align="alignright" width="355"]



Cố Hòa thượng Khánh Hòa

[/caption]

Cuối năm 1928, các HT.Khánh Hòa, Huệ Quang, Liên Trì, Thiện Niệm đến chùa Linh Sơn cùng sư Thiện Chiếu và một số phật tử hữu tâm có ý định thành lập Hội chấn hưng Phật giáo với mục đích lập Phật học đường, nhằm giáo dục tăng đồ và Phật học thư xã tàng trữ kinh sách phục vụ cho hoạt động nghiên cứu. Nhưng, do không xin được giấy phép của chính quyền, hội này không đi vào hoạt động. Năm 1929, HT.Khánh Hòa cùng những vị tôn túc lại hiệp ý thành lập

Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học tại chùa Tam Bảo (Rạch Giá), nhưng số phận của hội này cũng giống như Hội chấn hưng Phật giáo [7].

Vào mốc thời gian từ 1928-1930, chính quyền bảo hộ thay đổi chính sách về tôn giáo, thậm chí trong một lần thị sát Tây Nam bộ Toàn Quyền Đông Dương Pasquier đưa ra quyết định thành lập một tổ chức Phật giáo để bảo tồn Phật giáo trước tình hình Cao Đài mở rộng ảnh hưởng tại Tây Nam bộ. Nhân cơ hội này, cư sĩ Trần Nguyên Chấn cho xây dựng chùa Linh Sơn nhằm khôi chấn Phật giáo. Trước tiên, ông xây dựng chùa Linh Sơn ở đường Douaumont (nay là đường Cô Giang) trên phần đất thuộc sở hữu của cá nhân ông. Tiếp đó, ông đã bỏ tiền ra làm hơn 500 tượng Phật để an trí trong khuôn viên chùa Linh Sơn, và một nửa trong số đó, ông đem tặng các chùa ở Nam kỳ. Trong thời gian này, ông đã kết giao với nhiều nhà Sư ở Nam kỳ và cuối cùng ông quyết định hợp tác với HT.Khánh Hòa [10].

Vào đầu năm 1929, hai vị này đã hợp tác thành lập Ủy ban Bảo tồn Phật giáo do HT.Lê Khánh Hòa làm Trưởng ban, ông Trần Nguyên Chấn làm Phó ban, cùng với các vị khác như: Huỳnh Thái Cửu, Thái Phúc, Trần Văn Giác, Nguyễn Thanh Hậu ở Trà Vinh; Lê Đức Thi, Nguyễn Văn Căn, Trần Văn Khuê, Nguyễn Văn Nhơn ở Sài Gòn. Ủy ban này xin phép nhà cầm quyền thành lập Thư viện Phật học và Phòng đọc, được đặt tại chùa Linh Sơn, số 149, đường Douaumont (nay là đường Cô Giang, quận 1), Sài Gòn. Tuy nhiên, thư xin thành lập thư viện và phòng đọc, lúc đầu, không được chấp thuận. Vì vậy, ngày 07/10/1929, ông Trần Nguyên Chấn có viết thư cho bà Karpelès là Thư ký của Viện Phật giáo ở Phnom Penh, yêu cầu bà Karpelès bằng uy tín của mình tác động tới Thống đốc Nam kỳ; cho nên, giấy phép được thông qua dễ dàng. Ngày 20-22/12/1929, lễ khánh thành Thư viện và Phòng đọc được cử hành, lễ chính diễn ra vào ngày 21/12/1929[10].

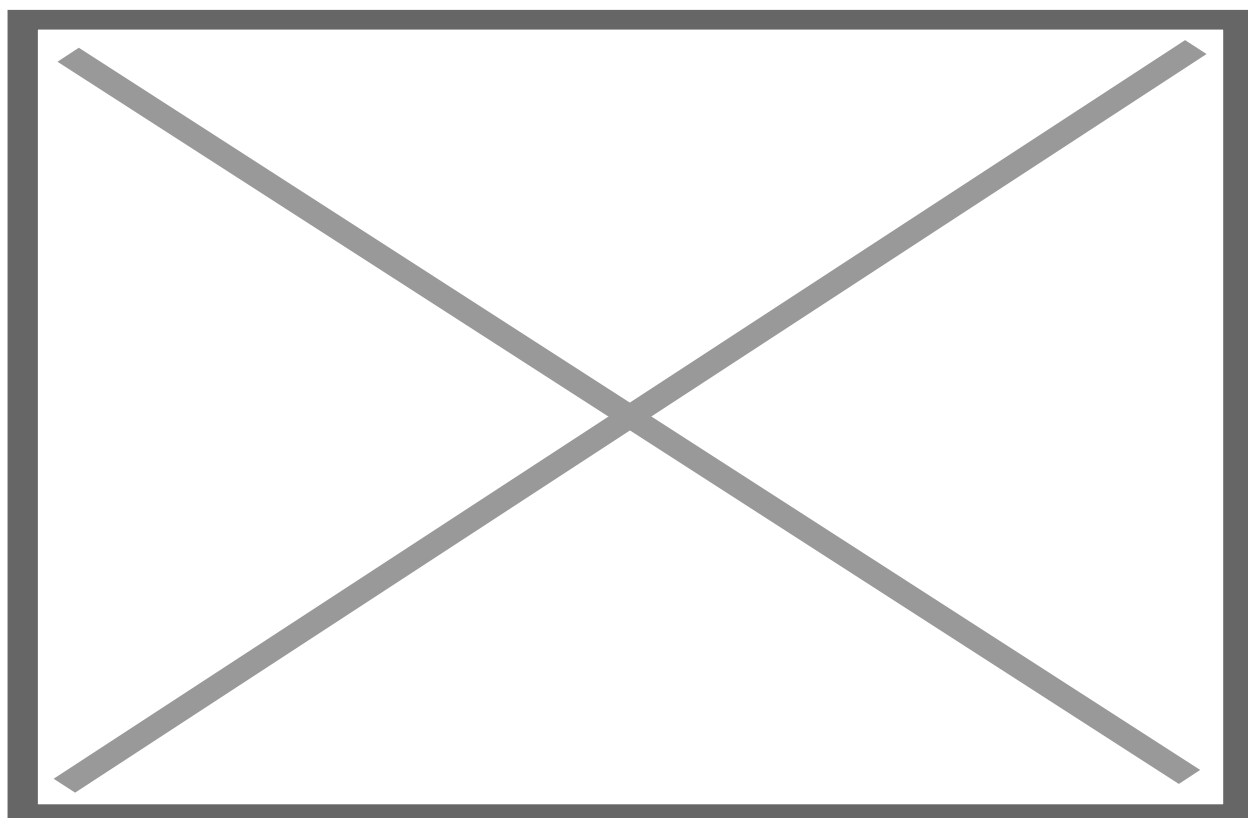
Theo Nguyễn Đại Đồng và Ninh Thị Sinh, thư viện này được hoạch định để tàng trữ: kinh sách Phật gồm 1.500 tập bằng tiếng Hán (Đại Tạng Kinh) được đặt mua ở Thượng Hải, một bộ sưu tập các tác phẩm Phật giáo bằng tiếng Pháp được đặt mua ở Paris. Trong thời gian khánh thành, đã có 820 tập Kinh Hán Tạng và 100 Kinh sách tiếng Pháp. Một tòa nhà khác cũng đang được xây cất, rộng 25m, sâu 11m, gồm 6 gian, dùng để làm Phòng đọc (Thích Học Đường) phục vụ Tăng sĩ và tín đồ Phật giáo ở Nam kỳ[10].

Cũng trong giai đoạn năm 1929, ông Nguyễn Ngọc Vĩnh và Trần Nguyên Chấn cũng nộp đơn xin ấn hành tạp chí Từ Bi Âm (02/09/1929) và Nghiên cứu Phật Học Hội (28/12/1929) (Association pour l'Etude et la Conservation du Bouddhisme en Cochinchine) cùng với Bản Điều lệ của Hội. Tuy nhiên, tới ngày

26/8/1931, Thống đốc Nam kỳ Khrautheimer mới phê chuẩn Nghị định số 2062 chính thức công nhận tính chất pháp lý của Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học (Association pour l'etude et la conservation du Bouddhisme en Cochinchine), đồng thời thông qua bản điều lệ gồm 19 điều và bản quy tắc 51 điều. Cơ cấu tổ chức ban đầu của Hội bao gồm [7]:

Ban hội viên danh dự với các thành viên như Thống đốc Nam kỳ Khrautheimer (Hội trưởng Danh dự),

• Đốc lý Thành phố Sài Gòn Rivoal (Hội phó Danh dự), • Bà Karpeès - Trưởng phòng Khảo cứu Phật giáo Lào và Campuchia • Chánh Hội trưởng: Lê Khánh Hòa, Hòa thượng chùa Linh Sơn. • Phó Hội trưởng: Trần Nguyên Chấn, Chánh Thừa Biện hạng nhất tại dinh Đốc lý thành phố Sài Gòn • Thủ quỹ: Trần Văn Khuê, Tri huyện tại phòng thứ sáu dinh Soái Phủ Nam kỳ • Phó Thủ quỹ: Lê Văn Phổ, Thư ký tại dinh Đốc lý thành phố Sài Gòn • Thư ký: Nguyễn Văn Nhơn, Thư ký tại dinh Đốc lý thành phố Sài Gòn • Phó Thư ký: Phạm Ngọc Vinh, Thư ký tại ngân hàng Đông Pháp, Sài Gòn • Cố vấn: Huỳnh Văn Quyền, Thông phán thượng hạng tại dinh Đốc lý thành phố Sài Gòn, Nguyễn Văn Cần, Thừa biện tại dinh Đốc lý thành phố Sài Gòn.



Tuy nhiên, hai năm sau khi Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học được chính thức đi vào hoạt động, HT.Khánh Hòa, sư Thiện Chiếu cùng các vị Hòa thượng khác đã rút khỏi hoạt động của hội vào năm 1933, do bất đồng quan điểm về cách vận

hành của hội [6, tr.580]. Mặc dù, sau khi HT.Khánh Hòa và các vị tôn túc khác rời đi, hội vẫn hoạt động, nhưng hội chỉ duy trì được một số hoạt động như Thư Viện, Phòng Đọc và sự ấn hành của tạp chí Từ Bi Âm. Học Xá, mặc dù đã xây dựng hoàn chỉnh nhưng không đi vào hoạt động, do các chùa kí ủng hộ hoạt động của hội trước đây đều ngưng sau khi HT.Khánh Hòa ly khai khỏi hội [7].

Tóm lược, dù HT.Khánh Hòa được xem như là người tiên phong hoạt động trong phong trào chấn hưng Phật giáo tại Nam kỳ giai đoạn 1920- 1945, dù HT.Khánh Hòa được xem như là linh hồn của Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học, nhưng những đóng góp của HT.Khánh Hòa và các vị tôn túc trong nhóm HT.Khánh Hòa cho hội là không nhiều. Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học được chính thức cho phép thành lập vào năm 1931. Sự thành lập của hội, được cho là, dựa trên nền tảng vận hành sẵn có của Ủy ban Bảo tồn Phật giáo được vận động thành lập bởi cư sĩ Trần Nguyên Chấn, dựa trên tư tưởng bảo tồn Phật giáo của toàn quyền Đông Dương Pasquier. Để được cấp phép vận hành Ủy ban Bảo tồn Phật giáo, cư sĩ Trần Nguyên Chấn đã vận động xây dựng chùa Linh Sơn, Thư Viện, Phòng Đọc và vận động bà Karpeès trợ giúp trong vấn đề pháp lý trong giai đoạn xin giấy phép. Mặc dù, HT.Khánh Hòa rời hội vào năm 1933 và Thích Học Đường không thể đi vào hoạt động do nhiều lý do khách quan, Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học thật sự thành công trong việc vận hành thư viện, phòng đọc và tạp san Từ bi âm.

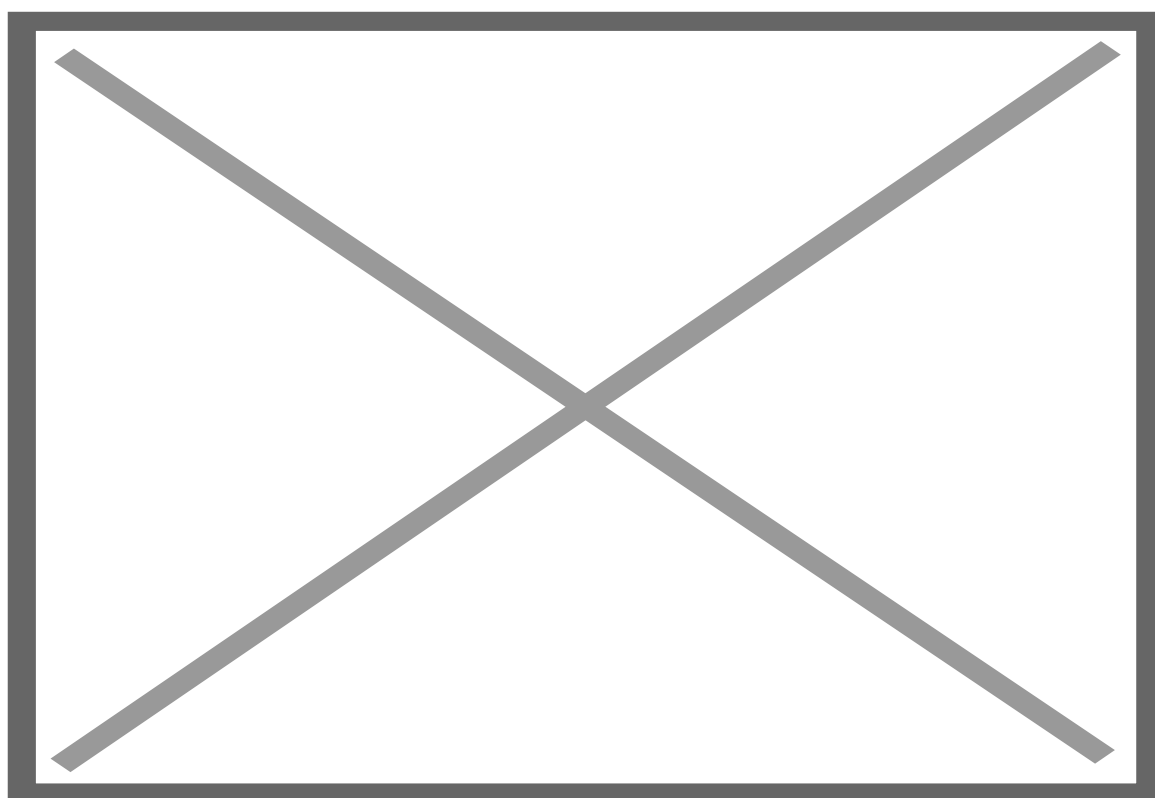
2. Vai trò của chùa Linh Sơn

Như đã đề cập trong phần trước, chùa Linh Sơn được thành lập dựa trên tinh thần bảo tồn Phật giáo An Nam của Toàn Quyền Đông Dương Pasquier và mong muốn khôi phục lại Phật giáo nước nhà của cư sĩ Trần Nguyên Chấn, HT.Khánh Hòa và các vị tôn túc tăng lữ khác. Chùa Linh Sơn đóng vai trò quan trọng trong công cuộc chấn hưng Phật giáo Nam kỳ bởi: chùa Linh Sơn là trụ sở đầu tiên của Ủy ban Bảo tồn Phật giáo, chùa Linh Sơn cũng là trụ sở của Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học, chùa Linh Sơn là nơi lưu xuất của nhiều anh tài Phật giáo và chùa Linh Sơn với tạp chí Từ Bi âm đã đóng góp nhiều bài báo nhằm chấn hưng Phật giáo nước nhà.

Như đã đề cập trong phần trước, Toàn quyền Pasquier trong một chuyến kinh lý tại Tây Nam bộ, ông chứng kiến sự ảnh hưởng mạnh mẽ của đạo Cao Đài đối với dân bản xứ [9, tr. 25]. Cho nên, ông đề xướng thành lập một Ủy Ban để bảo tồn Phật giáo trước nguy cơ bị mất gốc tại An Nam [10]. Dựa trên tinh thần của Pasquier, cư sĩ Trần Nguyên Chấn đã đứng ra quyên góp tài vật xây dựng chùa Linh Sơn, và vào năm 1929 Trần Nguyên Chấn và HT.Khánh Hòa đã xin được giấy phép vận hành Ủy ban Bảo tồn Phật giáo tại chùa Linh Sơn. Ủy ban Bảo tồn

Phật giáo này, lúc sơ khai, chỉ có Thư Viện (Pháp Bảo Phường) và Phòng Đọc (Thích Học Đường). Mục đích của Pháp Bảo Phường là tàng trữ Đại Tạng Kinh tiếng Hán và Anh, Pháp; trong khi Thích Học Đường phục vụ việc nghiên cứu Phật lý. Theo những tài liệu đáng tin cậy, lúc chính thức đi vào hoạt động vào tháng 12/1929, Pháp Bảo Phường đang lưu trữ hơn 820 tập kinh sách tiếng Hán và 100 tập kinh sách tiếng Pháp [10]. Vậy, vai trò quan trọng đầu tiên của chùa Linh Sơn là nơi bảo tồn Phật giáo với phòng lưu trữ và là nơi cho những người hữu tâm có cơ hội tiếp cận kinh sách Phật giáo.

Vai trò quan trọng thứ hai của chùa Linh Sơn gắn liền với vai trò của Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học. Khi Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học được thành lập vào năm 1931, hội đề ra các mục tiêu: bảo tồn và phát triển bốn tự Linh Sơn, tu bổ & phát triển Thư viện (Pháp Bảo Phường), tăng cường tàng trữ kinh sách ở Pháp Bảo Phường và đẩy mạnh công tác dịch thuật kinh sách từ chữ Hán, Anh và Pháp ra chữ Quốc ngữ, nhằm thỏa mãn tinh thần khát khao cầu học của những người hữu tâm nhưng thiếu khả năng ngoại ngữ [4]. Vậy, chùa Linh Sơn cũng đóng vai trò là trung tâm dịch thuật kinh sách đầu tiên của phong trào chấn hưng Phật giáo, chủ trương dịch tiếng Hán cùng các ngôn ngữ khác sang chữ Quốc ngữ.



Thứ ba, chùa Linh Sơn là cái nôi xuất thân của những bậc anh tài Phật giáo, HT.Khánh Hòa, Thiện Chiếu, Bích Liên, Liên Tôn và Trí Độ. Mặc dù, những vị này chỉ công tác tại chùa Linh Sơn một thời gian ngắn, nhưng không thể phủ nhận

được thời gian công tác tại Linh Sơn đã giúp các vị có những kiến thức và kỹ năng vững chắc hơn để tạo dựng những hội Phật giáo khác. Điển hình, HT.Khánh Hòa và Sư Thiện Chiếu có những bước đi sáng tạo trong việc lập Luồng Xuyên Phật học [56; tr.52] và Hội Phật Học Kiêm Tế [5]. Hai hội này được thành lập phần nào dựa trên những giá trị đã tồn tại của chùa Linh Sơn trong giai đoạn trước 1945. Hay Pháp sư Trí Độ đã cùng cư sĩ Lê Đình Thám thành lập Hội An Nam Phật Học tại Huế. Có thể nói, kiến thức tích lũy từ công tác tại Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học đã giúp Pháp sư Trí Độ trở thành trợ thủ đắc lực cho sự thành tựu của An Nam Phật học Hội tại Huế [1, tr.253].

Cuối cùng, chùa Linh Sơn đóng vai trò quan trọng trong công cuộc phổ biến Phật lý tới những người hữu tâm. Tạp chí Từ Bi Âm, cơ quan ngôn luận của Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học cũng như Ủy ban Bảo tồn Phật giáo, thường xuyên phát hành những bài luận và bài dịch nhằm rộng rãi phổ biến Phật lý tới quần chúng. Từ Bi Âm, với khổ in 16x24 cm và có trung bình là 50 trang, ra đều đặn mỗi tháng hai kỳ vào ngày 01 và ngày 15 mỗi tháng trong vòng sáu năm, tính từ thời gian phát hành đầu tiên. Từ năm thứ 07 (1938) trở đi, Từ Bi Âm chỉ ra mỗi tháng một kỳ. Nội dung của Từ Bi Âm đa dạng nhưng thường bao gồm 07 mục: Luận về triết lý nhà Phật, Luân lý nhà Phật, Phiên dịch kinh Phật, Lịch sử nhà Phật, Thời sự nhà Phật, Tiểu thuyết nhà Phật và Văn uyển [11]. Vậy, vai trò của chùa Linh Sơn là căn cứ vững vàng cho sự phát triển của Từ Bi Âm cũng như sự truyền bá Phật lý tới quần chúng hữu tâm.

3. Vai trò của Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học

Như người viết đã đề cập trong phần trước, mục đích thành lập của Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học là để bảo tồn và phát triển các cơ sở vật chất của chùa Linh Sơn như Pháp Bảo Phường và Thích Học Đường và thúc đẩy việc dịch kinh sách từ Hán văn và Pháp văn sang chữ Quốc ngữ [4]. Đây đều là những nhân tố để thúc đẩy công việc phổ truyền Phật giáo cho cộng đồng, nhằm chấn hưng Phật giáo. Vậy, Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học có vai trò như thế nào trong công cuộc chấn hưng Phật giáo? Qua quá trình khảo cứu những tư liệu về công cuộc chấn hưng nói chung và Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học nói riêng, người viết cho rằng hội có hai vai trò chính yếu. Vai trò chính yếu của hội là trở thành ngọn cờ tiên phong trong phong trào chấn hưng Phật giáo trong giai đoạn 1920-1945; vai trò thứ yếu của hội là trở thành nguồn động lực cho sự ra đời những hội Phật giáo khác tại Nam bộ trong giai đoạn 1920- 1945.

Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học có thể đóng vai trò là ngọn cờ tiên phong của phong trào chấn hưng Phật giáo? Câu trả lời là không và có. Đứng trên phương diện không, người viết cho rằng trước khi Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học được

thành lập, HT.Khánh Hòa đã cho thành lập Hội Lục Hòa Liên Hiệp và đưa ra bốn mục tiêu cho công cuộc chấn hưng vào năm 1923 [7]. Hơn nữa, Ủy ban Bảo tồn Phật giáo, tiền thân của Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học, được đưa vào hoạt động năm 1930, với cương lĩnh chấn hưng Phật giáo bằng cách lưu trữ Đại Tạng Kinh và khuyến khích nghiên cứu kinh sách của tín hữu xa gần [10]. Hai Hội này đã được thành lập trước Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học và đều có những cương lĩnh để khôi nguyên và toàn ứng Phật giáo nước nhà, vậy nếu xét trên khía cạnh khách quan, hai Hội này có thể đóng vai trò là ngọn cờ tiên phong trong phong trào chấn hưng Phật giáo. Tuy nhiên, xét kỹ, Hội Lục Hòa Liên Hiệp chỉ được lập nên trên danh nghĩa và chưa từng đi vào hoạt động, còn Ủy ban Bảo tồn Phật giáo thì không thể tách bạch ra khỏi Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học, bởi vì nó chỉ là phần phát triển mở rộng của Ủy Ban Bảo Tồn Phật giáo mà thôi.

Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật Học đã đóng vai trò tiên phong như thế nào? Hội cho ra những cương lĩnh và mục tiêu hoạt động nhằm: lưu trữ Đại Tạng Kinh từ nhiều ngôn ngữ, thúc đẩy nghiên cứu và dịch thuật Đại Tạng kinh ra chữ Quốc ngữ, lập trường Phật học và phổ truyền Phật lý tới người tín tâm [7]. Những tiêu chí hay mục tiêu này về sau cũng trở thành cương lĩnh của hầu hết những hội Phật giáo được thành lập sau này, có thể kể tới như : Long Xuyên Phật giáo Lương Hữu Hội (1932) tại chùa Bình An, Long Xuyên; Lương Xuyên Phật học Hội (1934) tại chùa Long Phước, Trà Vinh; Hội Phật học Tương Tế (1934) tại chùa Thiên Phước, Sóc Trăng; Thiên Thai Thiền giáo tông Liên hữu Hội (1934) tại chùa Phước An, Bà Rịa và Hội Phật Học Kiêm Tế (1937) tại Chùa Tam Bảo, Rạch Giá. Mặc dù mục tiêu và cương lĩnh của những hội này không nhất nhất theo mục tiêu của Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học, nhưng trên mặt bằng chung là tương đối giống với mục tiêu của Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học [6, tr. 579-580].

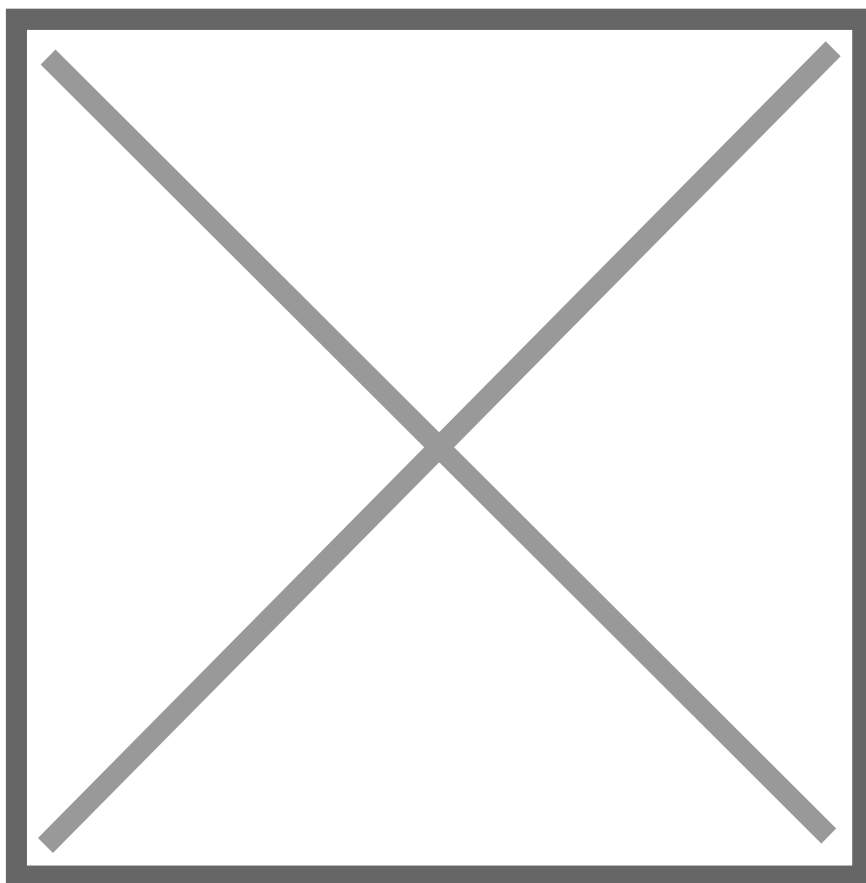
Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật Học đóng vai trò là động lực cho phong trào chấn hưng Phật giáo như thế nào? Có rất nhiều bài viết của các vị tôn túc Tăng lữ từ mọi miền đất nước đã có tâm muốn khôi chấn Phật giáo, và trước khi Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học được thành lập, họ đã đăng rất nhiều bài viết trên những tạp chí như: Thực Nghiệp Dân Báo, Khai Hóa Nhật Báo, Đông Pháp Thời Báo, Báo Tràng An và Báo Công Luận... Điển hình là những bài viết của HT.Tự Lai (Thái Nguyên), Sư Thiện Chiếu, Sư Thanh Chuyên, cư sĩ Mộng Hoa và cư sĩ Nguyễn Mục Tiên [2, tr. 35]. Những bài viết của những người hữu tâm này dường như lột tả được nguyên nhân cũng như đường lối chấn hưng để Phật giáo tốt hơn. Tuy vậy, họ chỉ kêu gào trên lý thuyết; khi họ đã bắt tay vào thực tiễn để chấn hưng Phật giáo thì, thậm chí, ngay cả HT.Khánh Hòa và sư Thiện Chiếu cũng đã thất bại nhiều lần trong việc xin lập một hội Phật giáo trong giai đoạn

bấy giờ [7]. Lê Nguyên Thảo [12] và Nguyễn Đại Đồng [3] cho rằng sự thành lập các tổ chức, các hội Phật giáo tại Trung kỳ và Bắc kỳ từ sau năm 1931 là cuộc vận động hưởng ứng cho phong trào chấn hưng Phật giáo tại Nam kỳ, mà Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học là tiên phong. Tại Trung kỳ có hai hội được thành lập từ sau năm 1931: An Nam Phật học Hội (1932) và Hội Đà Thành Phật Học (1937), trong khi ở Bắc kỳ chỉ có một hội Phật giáo được thành lập trong giai đoạn trước năm 1945: Hội Phật Giáo Bắc Kỳ [3].

Vậy Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học đóng vai trò là ngọn cờ tiên phong và là động lực thúc đẩy cho sự thành lập những hội nhóm Phật giáo không những trong khu vực Nam kỳ, mà còn truyền lửa cho phong trào chấn hưng Phật giáo tại Trung kỳ và Bắc kỳ trong giai đoạn trước năm 1945.

C - Kết Luận

Trong bài viết này, người viết tập trung khắc họa vai trò của chùa Linh Sơn và Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học một cách chi tiết và tường minh. Cụ thể, người viết đã khái quát được sự hình thành của Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học tại chùa Linh Sơn vào năm 1931. Từ đó, trình bày chi tiết vai trò của chùa Linh Sơn, Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học đối với phong trào chấn hưng Phật giáo giai đoạn 1920-1945 dựa trên tinh thần và ý kiến khách quan của mình. Nhưng tất cả ý kiến đều được xây dựng bằng những tư liệu đáng tin cậy.



Chùa Linh Sơn được xây dựng bởi cư sĩ Trần Nguyên Chấn vào năm 1928 để làm cơ sở cho Ủy ban Bảo tồn Phật giáo, dựa trên tinh thần bảo tồn Phật giáo của Toàn Quyền Đông Dương Pasquier. Ủy ban này chính thức đi vào hoạt động vào cuối năm 1929, với hai cơ sở chính Pháp Bảo Phường (Thư Viện) và Thích Học Đường (Phòng Đọc). Pháp Bảo Phường dự tính lưu trữ hơn 1500 tập Đại Tạng kinh Tiếng Hán và các ngôn ngữ nước ngoài khác, trong khi Thích học Đường là nơi phục vụ nghiên cứu và trao đổi Phật lý của người hữu tâm.

Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học là hội được phát triển thêm từ Ủy ban bảo tồn Phật giáo của cư sĩ Trần Nguyên Chấn. Hội xin được giấy phép hoạt động vào năm 1931 và chính thức hoạt động vào năm 1932. Hội có 4 mục tiêu chính:

• *Bảo tồn và phát triển tất cả hạng mục của chùa Linh Sơn, bao gồm Pháp bảo Phường, Thích học Đường và Phật học Xã.* • *Thúc đẩy mua và tàng trữ thêm kinh sách từ nhiều ngôn ngữ.* • *Thúc đẩy việc dịch kinh sách từ Hán văn và Pháp văn sang chữ Quốc ngữ.* • *Vận hành trường Phật học nhằm đào tạo Tăng tài.*

Trong quá trình nghiên cứu, người viết thấy được vai trò quan trọng của chùa Linh Sơn và Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học trong phong trào chấn hưng Phật giáo nước nhà. Là ngọn cờ tiên phong, tạo tiền đề cho phong trào chấn hưng Phật giáo được phát triển mạnh khắp ba miền. Tuy sau này, Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học chưa phát triển được như mong muốn và kỳ vọng ban đầu, nhưng sự đóng góp của Hội cho phong trào thì không thể phủ nhận, nếu không muốn nói là cực kỳ quan trọng.

Thạc sĩ Thích Đồng Hạnh Chùa Đức Quang, 330 Nguyễn Tất Thành, P.13, Q.4, Tp.HCM Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 11/2021 ***

TÀI LIỆU THAM KHẢO: 1. Thích Đồng Bốn chủ biên (1996), *Tiểu sử danh Tăng Việt Nam, tập 1, Thành hội Phật giáo Tp.HCM ấn hành, Tp.HCM.* 2. Nguyễn Đại Đồng & Nguyễn Thị Minh (2007), *Phong Trào chấn hưng Phật giáo - Tư Liệu báo chí Việt Nam từ 1927-1938*, Nxb. Tôn Giáo, Hà Nội. 3. Nguyễn Đại Đồng (2013), *"Phật Giáo Thời Pháp Thuộc (1884-1945)"*, *Tạp Chí Nghiên cứu Phật giáo*, số 1, trang 21. 4. Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học (1932), *"Điều lệ và Quy tắc"*, *Từ Bi Âm*, số 1, trang 36. 5. Hội Phật học Kiêm Tế (1937), *"Điều lệ"*, *Tiến Hóa*, số 10, trang 8. 6. Nguyễn Lang (1992), *Việt Nam Phật giáo Sử Luận toàn tập*, Nxb. Văn Học, Hà Nội. 7. Dương Thanh Mừng (2015), *"Các tổ chức Phật giáo trong phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam trước năm 1945"*, *Tạp Chí Nghiên cứu Tôn Giáo*, số 143, trang 43-59. 8. Nguyễn Thị Thảo (2012), *"Báo chí Phật giáo và phong trào chấn hưng Phật giáo nửa đầu thế kỷ XX"*, *Tạp Chí Khoa Học & Xã Hội*, số 172, trang 52- 66. 9. Đinh Quang Tiến (2017), *Giá trị văn hóa của đạo Cao Đài trong đời sống cư dân Nam bộ*, *Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Văn*

hóa học, Học viện Chính trị Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. 10. Nguyễn Đại Đồng & Ninh Thị Sinh, Sự ra đời của hội nghiên cứu Phật học Nam Kỳ. Tham khảo tại <http://chuaxaloi.vn/thong-tin/su-ra-doi-cua-hoi-nghien-cuu-phat-hoc-nam-ky/2747.html> 11. Thích Không Hạnh (2015), Từ Bi Âm (Tái bản 2019). Tham khảo tại <https://thuvienhuequang.vn/products/tu-bi-am-tai-ban-2019?fbclid=IwAR1rNAOgmW0t7PpwQj5UeDJxWJPZcvGUjno6Qo5bCrHdryNnPk7mqqlkbEk> 12. Lê Nguyên Thảo (2017), Chấn Hưng Phật Giáo. Tham khảo tại <https://thuvienhoasen.org/a27398/chan-hung-phat-giao-viet-nam> 13. Lê Tâm Đắc (2012), Phong trào chấn hưng Phật giáo ở miền Bắc Việt Nam (1924 - 1954), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.